

**THÔNG BÁO**  
**THAY ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

- Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) số 13/GP-NHNN ngày 17/6/2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp đổi mới, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) từ năm 2017 đến năm 2021, VietinBank trân trọng thông báo thông tin liên quan đến việc cấp đổi mới Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP cho VietinBank như sau:

- Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Mã chứng khoán: CTG
- Địa chỉ : 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 39421030
- Email: [investor@vietinbank.vn](mailto:investor@vietinbank.vn)
- Website: <https://vietinbank.vn>

| 1. Thông tin tại Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2. Thông tin tại Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 13/GP-NHNN ngày 17/6/2022                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Điều 1:</b> Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho VietinBank sau khi cổ phần hóa, chuyển đổi Ngân hàng Công thương Việt Nam từ Ngân hàng thương mại Nhà nước thành Ngân hàng thương mại cổ phần, gồm: <b>Khoản 1</b> về Tên ngân hàng; <b>Khoản 2</b> về Địa chỉ Trụ sở chính; <b>Khoản 3</b> về Người đại diện trước Pháp luật và <b>Khoản 4</b> quy định “VietinBank được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam” | <b>Điều 1:</b> Cấp đổi Giấy phép hoạt động cho ngân hàng thương mại cổ phần số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009 cho VietinBank, gồm <b>Khoản 1</b> về Tên ngân hàng; <b>Khoản 2</b> về Địa chỉ Trụ sở chính. |

| 1. Thông tin tại Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2. Thông tin tại Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 13/GP-NHNN ngày 17/6/2022 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Điều 2:</b> Vốn Điều lệ của VietinBank là 11.252.972.800.000 VNĐ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Điều 2:</b> Vốn Điều lệ của VietinBank là 48.057.506.090.000 VNĐ                   |
| <b>Điều 3:</b> Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động, gồm: <b>Khoản 1</b> về Lĩnh vực kinh doanh; <b>Khoản 2</b> về các nghiệp vụ được phép tiến hành (gồm <b>4 nghiệp vụ chính</b> là Huy động vốn; Hoạt động tín dụng; Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ; Các hoạt động khác); <b>Khoản 3</b> về Địa bàn hoạt động; <b>Khoản 4</b> về Đối tượng khách hàng | <b>Điều 3:</b> Thời hạn hoạt động của VietinBank là 99 năm kể từ ngày 3/7/2009.       |
| <b>Điều 4:</b> Thời hạn hoạt động của VietinBank là 99 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Điều 4:</b> Nội dung hoạt động: gồm <b>22 hoạt động</b>                            |
| <b>Điều 5:</b> Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Điều 5:</b> Trong quá trình hoạt động, VietinBank phải tuân thủ pháp luật Việt Nam |
| <b>Điều 6:</b> Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Điều 6:</b> Hiệu lực của Giấy phép                                                 |
| <b>Điều 7:</b> Hiệu lực của Giấy phép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Điều 7:</b> Số lượng bản chính Giấy phép cấp đổi cho VietinBank                    |

- Lý do thay đổi: để thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank từ năm 2017 đến năm 2021.
- Ngày có hiệu lực: 17/6/2022
- Ngày nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động: 23/6/2022
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 24/6/2022 tại đường dẫn <https://investor.vietinbank.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu: VP, Ban TK HĐQT & QHCD.

**Tài liệu đính kèm:**

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/GP-NHNN ngày 17/6/2022
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trần Minh Bình**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13** /GP-NHNN

Hà Nội, ngày **17** tháng **6** năm 2022

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**CÔNG VĂN BẢN**

Số:

**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**

Ngày **23** tháng **6** năm 20**22**

## **GIẤY PHÉP**

### **THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011;

Xét Đơn số 508/HĐQT-NHCT1.2 ngày 12/4/2022 đề nghị cấp đổi và bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động và hồ sơ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cấp đổi Giấy phép hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 142/GP-NHNN ngày 03/7/2009 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM.**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE.**

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt): **VietinBank.**

2. Địa chỉ trụ sở chính: **108 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

**Điều 2.** Vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 48.057.506.090.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam)

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 99 năm kể từ ngày 03/7/2009.

**Điều 4.** Nội dung hoạt động:

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước.

3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5) Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



12) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

18) Lưu ký chứng khoán.

19) Kinh doanh vàng miếng.

20) Ví điện tử.

21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 142/GP-NHNN ngày 03/7/2009 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1831/QĐ-NHNN ngày 29/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1912/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 2223/QĐ-NHNN ngày 12/11/2018 sửa đổi nội dung hoạt động tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 743/QĐ-NHNN ngày 10/4/2019 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1912/QĐ-NHNN ngày 09/11/2020 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1340/QĐ-NHNN ngày 20/8/2021 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

**Điều 7.** Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam)./. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

(để ph/h);

**KT.THÔNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**



**Đoàn Thái Sơn**



# NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**BẢN SAO**



## GIẤY PHÉP THÀNH LẬP & HOẠT ĐỘNG

Số: 142...../ GP-NHNN

Ngày: 03/7/2009

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số: *142* /GP-NHNN

Hà Nội, ngày *03* tháng 7 năm 2009

## GIẤY PHÉP

### THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

#### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17/06/2003;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 15/06/2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13/12/2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/08/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/09/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trong đó quy định những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, bảo hiểm thực hiện cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần;

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá Ngân hàng Công thương Việt Nam số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/06/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 46/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số Điều, Khoản Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/06/2007;

Xét Đơn xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng ngày 09/06/2009 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

#### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam sau khi cổ phần hóa, chuyển đổi Ngân hàng Công thương Việt



Nam từ Ngân hàng thương mại Nhà nước thành Ngân hàng thương mại cổ phần, cụ thể như sau:

1. Tên ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

- Tên giao dịch: **VIETINBANK**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Đường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3. Người đại diện trước pháp luật: Tổng Giám đốc

4. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **Điều 2. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 11.252.972.800.000 đồng Việt Nam (Mười một nghìn hai trăm năm mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng Việt Nam).

## **Điều 3. Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động**

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh sau:

1. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh ngân hàng.

2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được thực hiện các hoạt động nghiệp vụ sau đây theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Pháp lệnh ngoại hối và các quy định có liên quan về hoạt động của ngân hàng thương mại:

2.1. Huy động vốn:

- Nhận tiền gửi;
- Phát hành giấy tờ có giá;
- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác và của tổ chức tín dụng nước ngoài;
- Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

2.2. Hoạt động tín dụng:

- Cho vay;
- Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác;
- Bảo lãnh;

- Cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:

- Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tại các tổ chức tín dụng khác;
- Mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước;
- Cung ứng các phương tiện thanh toán;
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế;
- Thực hiện các dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng;
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2.4. Các hoạt động khác:

- Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- Tham gia thị trường tiền tệ do Ngân hàng Nhà nước tổ chức;
- Trực tiếp thực hiện kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật;
- Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng thương mại, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng;
- Cung ứng các dịch vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ, tư vấn đầu tư phù hợp với chức năng hoạt động của một Ngân hàng thương mại;
- Cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Địa bàn hoạt động: Trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Đối tượng khách hàng: Các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 4. Thời hạn hoạt động**

Thời gian hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 99 năm.

**Điều 5. Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam**

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.



## Điều 6. Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

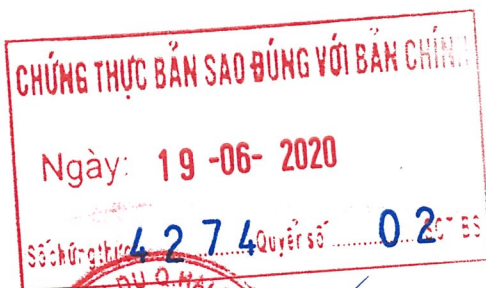
## Điều 7. Hiệu lực của giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 6 bản chính: 3 bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; 2 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước; 1 bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội). *vu*

*h* **THÔNG ĐỐC**  
**PHÓ THÔNG ĐỐC**



TRẦN MINH TUẤN



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Dặng Anh Vũ**